SỞ Y TẾ HÀ GIANG **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 458 /VBCB-BV	*Hà Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2022*

VĂN BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài

Kính gửi: Sở Y tế Hà Giang

Tên cơ sở nộp hồ sơ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

Địa điểm : Số nhà 11 - Tổ 10 – P. Minh Khai – TP Hà Giang – Tỉnh Hà Giang

Điện thoại: 0219.3886411 Email (nếu có): benhvienhg@gmail.com

Công bố cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1. Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động của cơ sở ☑
2. Danh sách người tham gia khám sức khỏe *(Quyết định số 1542/QĐ-BV, ngày 21/9/2022 về việc Kiện toàn Hội đồng Khám sức khỏe Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)* ☑
3. Danh mục trang thiết bị, cơ sở vật chất ☑
4. Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở KSK ☑
5. Các hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hợp pháp đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 14/2013/TT-BYT, ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế. ☑

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Phạm Anh Văn

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ Y TẾ

Số: **66/HAG-GPHĐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y, Dược và Bảo hiểm Y tế,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang**
Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **Phạm Anh Văn**
Số chứng chỉ hành nghề: 000999/HAG-CCHN, Ngày cấp: 12/6/2013,
Nơi cấp: Sở Y tế Hà Giang
Hình thức tổ chức: **Bệnh viện đa khoa**
Địa điểm hành nghề: Tổ 10, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Theo danh mục được Giám đốc Sở Y tế Hà Giang phê duyệt.**
Thời gian làm việc hằng ngày: **24/24 giờ**

Hà Giang, ngày 26 tháng 9 năm 2019
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Văn Giao

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 1564 Quyển số 7 SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIÊN
CÔNG CHỨNG VIÊN
Hoàng Kim Thịnh

BẢN SAO

000.00.16.H22-220510-0001

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 336 /QĐ-SYT

Hà Giang, ngày 13 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ GIANG

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tổ chức lại Bệnh viện đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế Hà Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho:

- Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang.

- Địa chỉ: Tổ 10, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Giấy phép hoạt động đã được cấp số 66/HAG-GPHĐ do Sở Y tế Hà Giang cấp ngày 26/9/2019;

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Phạm Anh Văn. Chứng chỉ hành nghề số 000999/HAG-CCHN, do Sở Y tế Hà Giang cấp ngày 12/6/2013;

- Phạm vi hoạt động chuyên môn trong Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp: Theo danh mục được Giám đốc Sở Y tế Hà Giang phê duyệt.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn điều chỉnh trong Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Giám định y khoa và thực hiện theo danh mục phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được Giám đốc Sở Y tế Hà Giang phê duyệt.

- Lý do điều chỉnh: Thay đổi cơ cấu tổ chức và phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện đa khoa tỉnh (Trung Tâm Giám định Y khoa sáp nhập vào Bệnh viện đa khoa tỉnh theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Hà Giang).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Chánh Thanh tra Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Cơ sở có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Y tế;
- Sở Y tế các tỉnh thành phố;
- BHXH tỉnh;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

Q. GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Văn Giao

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 1.2549 Quyển số: 01
Ngày: 23-09-2022
CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 18 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VIỆT TRUNG
TP. HÀ GIANG - T. HÀ GIANG

Nguyễn Thị Minh Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE

1. Tên cơ sở khám sức khỏe: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang
2. Địa chỉ: Số nhà 11 - Tổ 10 - Phường Minh Khai - TP Hà Giang - tỉnh Hà Giang
3. Thời gian họa động của cơ sở khám sức khỏe: 24/24 giờ
4. Danh sách người thực hiện khám sức khỏe:

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1.	Phạm Anh Văn	000999	BSCKII	Người kết luận
2.	Nguyễn Quốc Dũng	000088	BSCKII	Người kết luận
3.	Nguyễn Thị Kim Cúc	000010	BSCKI	Người kết luận
4.	Trần Hữu Long	000079	BSCKI	Người kết luận
5.	Đỗ Văn Nghĩa	000061	Ths.Bs	Người kết luận
6.	Hoàng Văn Quảng	001286	BSCKI Nội khoa	Khám lâm sàng
7.	Dương Thùy Loan	000100	BSCKI Nội khoa	Khám lâm sàng
8.	Nguyễn Đức Huân	000667	BSCKI Truyền nhiễm	Khám lâm sàng
9.	Nguyễn Thị Minh Tâm	003574	BSCKI HSCC	Khám lâm sàng
10.	Trần Văn Hiếu	000438	BSCKI HSCC	Khám lâm sàng
11.	Tô Hữu Toại	000072	BSCKI HSCC	Khám lâm sàng
12.	Hoàng Duy Dương	0003082	BSCKI HSCC	Khám lâm sàng
13.	Vũ Đình Cao	000179	BSCKI Nội - Tim mạch	Khám lâm sàng
14.	Trịnh Tiến Hùng	000101	Thạc sỹ Y học Tim mạch	Khám lâm sàng
15.	Nguyễn Việt Thắng	000456	Thạc sỹ Y học Nội TH	Khám lâm sàng
16.	Nguyễn Chí Đệ	003563	BSCKI Nội khoa	Khám lâm sàng
17.	Mai Bảo Trung	000426	BSCKI Nội khoa	Khám lâm sàng
18.	Nguyễn Thị Hường	000735	BSCKI Nội tổng hợp	Khám lâm sàng
19.	Hoàng Thị Hương	003571	BSCKI Truyền nhiễm	Khám lâm sàng
20.	Nguyễn Bá Giang	000067	BSCKI Tâm thần	Khám lâm sàng
21.	Đỗ Thị Đẹp	000059	BSCKI Da liễu	Khám lâm sàng + da liễu
22.	Đào Cẩm Lê	000816	BSCKI PHCN	Khám lâm sàng
23.	Lương Cao Đạt	000150	BSCKI Nhi khoa	Khám lâm sàng
24.	Nguyễn Thị Minh Trâm	000143	BSCKI Nhi khoa	Khám lâm sàng
25.	Lê Thị Toàn	000175	BSCKI Nhi khoa	Khám lâm sàng
26.	Nguyễn Thị Thu Hà	002374	BSCKI Nhi khoa	Khám lâm sàng
27.	Nguyễn Thị Duyên	000499	BSCKI YHCT	Khám lâm sàng
28.	Dương Hồng Chuyên	000139	BSCKI YHCT	Khám lâm sàng
29.	Nguyễn Thị Thúy Hồng	004405	BSCKI YHCT	Khám lâm sàng
30.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0003095	BSCKI Nội khoa	Khám lâm sàng
31.	Đinh Thị Duyên	003570	BSCKI Thần kinh	Khám lâm sàng

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn
32.	Nguyễn Thị Hạnh	004088	BSCKI Thần kinh	Khám lâm sàng
33.	Đặng Anh Văn Lâm	004459	BSCKI Nội tổng hợp	Khám lâm sàng
34.	Trần Văn Hiếu	004498	BSĐK	Khám lâm sàng
35.	Hồ Thị Hạnh	003926	BSĐK	Khám lâm sàng
36.	Vũ Ngọc Quyết	000355	BSCKI Ngoại khoa	Khám CK Ngoại
37.	Đỗ Trung Kiên	000587	Ths.BS Ngoại khoa	Khám CK Ngoại
38.	Đặng Cao Kỳ	003545	Ths.BS Ngoại khoa	Khám CK Ngoại
39.	Đào Thùy Dương	002383	BSCKI Ngoại khoa	Khám CK Ngoại
40.	Ngọc Thanh Phương	000423	BSCKI Ngoại khoa	Khám CK Ngoại
41.	Mã Hồng Cầu	000550	BSCKI Ngoại khoa	Khám CK Ngoại
42.	Bùi Quang Thái	000596	BSCKI Ngoại khoa	Khám CK Ngoại
43.	Đỗ Thị Thuỷ	000015	BSCKI Phụ sản	Khám CK Sản - phụ khoa
44.	Sin Thị Huyền	000013	BSCKI Phụ sản	Khám CK Sản - phụ khoa
45.	Nguyễn Thị Huyền Lê	000151	BSCKI Phụ sản	Khám CK Sản - phụ khoa
46.	Bùi Thị Thu Hà	001771	Ths y học Sản phụ khoa	Khám CK Sản - phụ khoa
47.	Hà Thị Kim Diễn	003547	BSĐH Phụ sản	Khám CK Sản - phụ khoa
48.	Phạm Thị Hồng	002366	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
49.	Nguyễn Quế Hương	000487	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
50.	Triệu Kim Phượng	000329	Đại học Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
51.	Phạm Thị Hạnh	000839	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
52.	Phạm Thị Dương	000349	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
53.	Lô Thị Hồng Nhung	000346	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
54.	Lã Ngọc Trang	000521	Cao đẳng Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
55.	Lục Thị Hằng	003626	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
56.	Hoàng Thu Trang	000276	Hộ sinh Trung cấp	Phụ khám lâm sàng
57.	Ma Thị Mễ	000332	Hộ sinh Trung cấp	Phụ khám lâm sàng
58.	Nguyễn Thị Hiếu	000313	Hộ sinh Trung cấp	Phụ khám lâm sàng
59.	Nguyễn Thị Dinh	000314	Hộ sinh Trung cấp	Phụ khám lâm sàng
60.	Mai Ngọc Nhị	000366	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
61.	Lê Đình Thủy	000444	Cao đẳng Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
62.	Tạ Minh Hoàn	003575	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám lâm sàng
63.	Hoàng Thị Đa	000611	BSCKI Mắt	Khám CK Mắt
64.	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	000617	BSCKI Mắt	Khám CK Mắt
65.	Nguyễn Thị Phương	000547	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK Mắt
66.	Vũ Hải Yến	000519	Đại học Điều dưỡng	Phụ khám CK Mắt
67.	Tạ Thị Nga	003553	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK Mắt
68.	Lương Thị Thuý	000626	KTV Trung cấp	Phụ khám CK Mắt
69.	Hà Lan Anh	000316	BSCKI RHM	Khám CK RHM
70.	Hoàng Thị Hạ	004086	BSĐH RHM	Khám CK RHM
71.	Lương Văn Hiệp	000459	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK RHM

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn
72.	Nguyễn Thị Niềm	002368	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK RHM
73.	Phạm Thị Hồng Thuý	00417	Cao đẳng Điều dưỡng	Phụ khám CK RHM
74.	Nguyễn Thị Lan	003603	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK RHM
75.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	000106	BSCKI TMH	Khám CK TMH
76.	Lâm Ngọc Huyền	0002975	BSCKI TMH	Khám CK TMH
77.	Vương Thùy Vân	003549	BSĐH TMH	Khám CK TMH
78.	Nguyễn Thị Thanh Hải	004116	BSĐH TMH	Khám CK TMH
79.	Hoàng Thị Quê	000107	Đại học Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
80.	Hà Anh Trung	000584	Đại học Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
81.	Nguyễn Thị Hà Giang	000542	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
82.	Hoàng Thị Sinh	000592	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
83.	Hoàng Hồng Anh	000605	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
84.	Nguyễn Thị Tươi	000575	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
85.	Lê Thị Phòng	000594	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
86.	Nguyễn Thị Hương Lan	000571	Cao đẳng Điều dưỡng	Phụ khám CK TMH
87.	Đặng Thị Tiện	001282	KTV Cao đẳng	Xác nhận kết quả XN
88.	Bùi Thị Thủy	001285	KTV Cao đẳng	Xác nhận kết quả XN
89.	Nguyễn Ngọc Lưu	000073	BSCKI HHTM	Đọc kết quả XN huyết học
90.	Hứa Thúy Nga	003561	BSĐH HHTM	Đọc kết quả XN huyết học
91.	Nguyễn Thị Huyền Trang A	003548	BSCKI HHTM	Khám lâm sàng
92.	Đỗ Thiên Điệp	000419	KTV Đại học	Xác nhận kết quả XN HH
93.	Hà Thị Hồng Nhung	000460	KTV Cao đẳng	Xác nhận kết quả XN HH
94.	Lê Thị Phương Thảo	000425	KTV Trung cấp	Xác nhận kết quả XN HH
95.	Nguyễn Kim Dung	002361	KTV Cao đẳng	Xác nhận kết quả XN HH
96.	Lương Thị Thảo Khuyên	000465	Trung cấp Điều dưỡng	Xác nhận kết quả XN HH
97.	Lê Việt Quang	002350	BSCKI Hóa sinh	Đọc kết quả XN Sinh hóa
98.	Đặng Thị Nga	000476	KTV Đại học	Xác nhận kết quả XN SH
99.	Nguyễn Thị Kim Nga	003568	BSĐK	Đọc kết quả XN SH
100.	Nguyễn Hà Thu	000544	KTV Cao đẳng	Xác nhận kết quả XN SH
101.	Vũ Đức Toàn	000488	KTV Trung cấp	Xác nhận kết quả XN SH
102.	Trần Thanh Mai	004407	BSĐH Sinh hóa	Đọc kết quả XN SH
103.	Nguyễn Thị Hoài Linh	0003119	BSCKI Vi sinh y học	Đọc kết quả XN Vi sinh
104.	Phạm Thùy Linh	003567	BSĐK	Đọc kết quả XN Vi sinh
105.	Bùi Thị Hải Bình	000125	KTV Đại học	Xác nhận kết quả XN VS
106.	Lý Hoàng Việt	000469	KTV Cao đẳng	Xác nhận kết quả XN VS
107.	Đinh Thị Hà	000433	BSĐH GPB	Đọc kết quả XN GPB
108.	Ma Thị Nhé	000497	KTV Trung cấp	Xác nhận kết quả XN GOB
109.	Trần Thị Hiên	000436	Trung cấp Điều dưỡng	Xác nhận kết quả XN GPB
110.	Nguyễn Thị Thắm	000508	Trung cấp Điều dưỡng	Xác nhận kết quả XN GPB
111.	Đinh Phương Lan	004415	BSĐK	Đọc kết quả XN GPB

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn
112.	Nguyễn Xuân Nghĩa	000071	BSCKI CĐHA	Bs Siêu âm
113.	Đỗ Văn Cảnh	003544	BSCKI CĐHA	Bs Siêu âm
114.	Lý Ngọc Hoàng	004179	BSCKI CĐHA	Bs Siêu âm
115.	Trần Minh Chương	003579	BSĐK	Bs Siêu âm
116.	Lý Xuân Huynh	003927	BSCKI CĐHA	Đọc phim XQ
117.	Lệnh Văn Hậu	003578	KTV Đại học	KTV chụp XQ
118.	Chu Đức Nguyên	004043	KTV Đại học	Đọc phim XQ
119.	Lục Văn Nguyên	003557	KTV Đại học	Đọc phim XQ
120.	Trần Anh Dũng	003663	KTV Cao đẳng	KTV chụp XQ
121.	Nguyễn Thị Giang	000505	Cao đẳng Điều dưỡng	Phụ siêu âm
122.	Nguyễn Văn Khanh	000454	KTV CĐ Điều dưỡng	KTV chụp XQ
123.	Triệu Thị Thu Hoàn	000435	Hộ sinh Trung cấp	Phụ siêu âm
124.	Mai Tiến Dũng	000446	KTV CĐ Điều dưỡng	KTV chụp XQ
125.	Xuân Thế Dư	000501	KTV Trung cấp	KTV chụp XQ
126.	Nguyễn Thế Hiệp	003576	KTV Đại học	Đọc phim XQ
127.	Đỗ Trung Dũng	003558	KTV Cao đẳng (Y sĩ)	KTV chụp XQ
128.	Đinh Xuân Hạnh	000434	GCN Xquang thường quy	KTV chụp XQ
129.	Nguyễn Thị Kim Huế	0003098	Đại học Điều dưỡng	Điện tim
130.	Phùng Thị Phương	000348	Trung cấp Điều dưỡng	Điện tim
131.	Hoàng Thị Thực	000537	Trung cấp Điều dưỡng	Điện não
132.	Nguyễn Bích Thủy	000463	Trung cấp Điều dưỡng	Điện não
133.	Nguyễn Thị Mai Hoa	000453	Cao đẳng Điều dưỡng	Phụ siêu âm
134.	Phạm Thị Toan	000632	Trung cấp Điều dưỡng	Phụ nội soi

(danh sách ấn định 135 người)

Hà Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2022

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Quốc Dũng

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ Y TẾ CỦA CƠ SỞ KHÁM SỨC KHỎE

TT	Nội dung	Số lượng
I. CƠ SỞ VẬT CHẤT		
1	Phòng tiếp đón	$20m^2$
2	Phòng khám chuyên khoa: Nội, nhi, ngoại, sản phụ khoa, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu	09
3	Phòng chụp X. quang	03
4	Phòng xét nghiệm	02
II. THIẾT BỊ Y TẾ		
1	Tủ hồ sơ bệnh án/phương tiện lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe	01
2	Tủ thuốc cấp cứu/túi thuốc cấp cứu	01
3	Bộ bàn ghế khám bệnh	01
4	Giường khám bệnh	01
5	Ghế chờ khám	10
6	Tủ sấy dụng cụ	01
7	Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế	01
8	Cân có thước đo chiều cao/Thước dây	01
9	Ống nghe tim phổi	03
10	Huyết áp kế	03
11	Đèn đọc phim X.quang	01
12	Búa thử phản xạ	01
13	Bộ khám da (kính lúp)	01
14	Đèn soi đáy mắt	01
15	Hộp kính thử thị lực	01
16	Bảng kiểm tra thị lực	01
17	Bảng thị lực màu	01
18	Bộ khám tai mũi họng: đèn soi, 20 bộ dụng cụ, khay đựng	01
19	Bộ khám răng hàm mặt	01
20	Bàn khám và bộ dụng cụ khám phụ khoa	01
21	Thiết bị phân tích huyết học	03
22	Thiết bị phân tích sinh hóa	03
23	Thiết bị phân tích nước tiểu/Bộ dụng cụ thử nước tiểu	01
24	Thiết bị chụp X. quang	03

TT	Nội dung	Số lượng
III. NGOÀI CÓ ĐỦ CÁC THIẾT BỊ TẠI MỤC II PHỤ LỤC NÀY, CƠ SỞ KSK CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI PHẢI CÓ THÊM CÁC THIẾT BỊ Y TẾ SAU:		
25	Thiết bị đo điện não	01
26	Thiết bị siêu âm	03
27	Thiết bị điện tâm đồ	02

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Phạm Anh Văn

SỞ Y TẾ HÀ GIANG **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161 /BC-BV	*Hà Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2022*

BÁO CÁO
Phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

Kính gửi: Sở Y tế Hà Giang

Căn cứ Thông tư 14/TT-BYT, ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang xin báo cáo Phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện công bố cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Xếp loại bệnh viện hạng I.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang là Bệnh viện hạng I theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công trực thuộc Sở Y tế và UBND tỉnh Hà Giang. Bệnh viện có đội ngũ cán bộ y tế trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, trang thiết bị y tế hiện nay cơ bản đáp ứng tốt cho công tác khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế. có các chuyên khoa sâu, cơ sở hạ tầng phù hợp. Thực hiện 07 chức năng nhiệm vụ (theo Quyết định số 1895/1997/QĐ BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế).

Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc xếp hạng lần đầu, nâng hạng, xếp hạng lại đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

Quyết định 518/QĐ-UBND, ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Giang.

Quyết định 519/QĐ-UBND, ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang.

Quyết định 336/QĐ-SYT, ngày 13/5/2022 của Sở Y tế Hà Giang về việc điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

2. Tổ chức bộ máy:

- Số giường bệnh: + Kế hoạch: 500 + Thực kê: 751
- Ban giám đốc: 03 người
- Tổng số 41 khoa, phòng: + 09 phòng chức năng
  + 08 khoa cận lâm sàng
  + 24 khoa lâm sàng

Quản lý nhân lực.

Nhân sự	Tổng	CKII	CKI	Ths	Định hướng	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	NVPV, Hộ lý
I. BIÊN CHẾ:										
Bác sỹ	130	07	72	06	16	29				
Dược sỹ	20		04			03	10	03		
KTV	30					11	11	08		
Điều dưỡng, y sỹ	216		02			79	70	65		
Hộ sinh	25					03	11	11		
Cán bộ khác	54			05		27	01	03		18
Cộng:	**472**									
II. HỢP ĐỒNG:										
Bác sỹ	18					18				
Dược sỹ	03					01	02			
KTV	07					01	06			
Điều dưỡng, y sỹ	27						11	16		
Khác	11					08	01			02
Cộng:	**66**									
Cộng I+II	**538**									

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ.

1. Về cơ sở vật chất:

Bệnh viện nằm trong khuôn viên có diện tích đất: 23.000m^2 gồm 15 khối nhà được thiết kế, xây dựng mới hoàn toàn, hiện đại nhất về kiến trúc trên địa bàn tỉnh hiện nay. Khuôn viên rộng thoáng với tổng quỹ đất 23,026m^2, diện tích sàn sử dụng là 24,032m^2, trung bình đạt 34m^2/giường bệnh.

Các tòa nhà được xây dựng thành 01 khối liên hoàn, thuận lợi cho việc đi lại, phối hợp triển khai các hoạt động chuyên môn. Cùng với trên 4000 danh mục trang thiết bị hiện đại như CT64 dãy, MRI 1,5 Tesla, DSA chụp mạch, Siêu âm 4D, Nội soi tán sỏi Lase, hệ thống xét nghiệm PCR.... Hệ thống quản lý tòa nhà cơ bản là tập trung và tự động hóa, các TTB khá đồng bộ và hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận.

2. Về trang thiết bị y tế phục vụ khám sức khỏe

Bằng nguồn ngân sách địa phương kết hợp với kinh phí từ nguồn xã hội hoá y tế, bệnh viện đã tổ chức liên doanh, liên kết, cổ phần hoá nhiều trang thiết bị y tế hiện đại, cơ bản đáp ứng trang thiết bị y tế phục vụ cho công tác khám sức khỏe: Máy CT-Scaner, máy siêu âm mầu 4D, máy xét nghiệm sinh hoá máu, huyết học, nước tiểu 10 thông số tự động.

III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

1.Triển khai trên 80% kỹ thuật phân tuyến của Bộ Y tế. Danh mục kỹ thuật được Sở Y tế Hà Giang phê duyệt tại Quyết định năm 2013.

2. Bệnh viện triển khai ứng dụng nhiều kỹ thuật cao trong khám chữa bệnh:

+ Phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu, sản khoa.

+ Phẫu thuật Phaco, triển khai tại các bệnh viện huyện

+ Phẫu thuật Chấn thương sọ não, u não.

+ Tán sỏi nội soi.

+ Thay máu điều trị vàng da nhân.

+ Siêu âm mầu, chụp CT-Scaner.

+ Chạy thận nhân tạo.

+ Hệ thống chụp mạch DSA

+ Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 64 dãy 128 lát cắt

+ Máy điện cơ

Kính đề nghị Sở Y tế Hà Giang xét duyệt, làm thủ tục công nhận và công bố cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh đủ điều kiện thực hiện hoạt động khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, KHTH

GIÁM ĐỐC

TỈNH HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Phạm Anh Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Cung cấp dịch vụ kỹ thuật y tế trong chẩn đoán và điều trị
Số: 298 /2022/HĐDV

Căn cứ Luật Khám chữa bệnh của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2009, có hiệu lực từ ngày 01/01/2011;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế sổ 46/2014/QH12 ngày 13/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT - BYT ngày 05/7/2019, Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 39/2018/TT - BYT ngày 30/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Nghị quyết 40/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang về quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Mã ĐVQHNS: 1069736

Địa chỉ : Tổ 10 - Phường Minh Khai - TP Hà Giang - Tỉnh Hà Giang.

Đại diện ông : **Phạm Anh Văn** Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại : 02193 887 717 Fax: 02193 888 020

Tài khoản số : 8200201003734 Tại: Agribank Hà Giang.

BÊN B: TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG

Mã ĐVQHNS: 1126793

Địa chỉ : Tổ 10 - Phường Minh Khai - TP Hà Giang - Tỉnh Hà Giang.

Đại diện bà : **Nguyễn Thị Thanh Hương** Chức vụ: Phó Giám đốc

Điện thoại : 02193886495

Tài khoản số : 3712.2.1069788.00000 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận về việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật Chẩn đoán và điều trị hai bên thống nhất ký kết hợp đồng theo các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng.

Bên B đảm bảo cung cấp cho bên A các dịch vụ kỹ thuật y tế phục vụ việc Chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân khám viện phí, BHYT của bên A

(Có danh mục dịch vụ kèm theo)

Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang.

Thời gian thực hiện hợp đồng : Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 31/12/2022.

Mức giá thực hiện dịch vụ kỹ thuật:

+ Thực hiện theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT ban hành ngày 05/07/2019 về việc Sửa đổi, bổ xung một số điều của Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

+ Thực hiện theo Nghị Quyết 40/2019/NQ-UBND ban hành ngày 11/12/2019 về việc Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.

Điều 2: Trách nhiệm của các bên

Trách nhiệm của bên A (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

Tổ chức đưa bệnh phẩm đến bên B để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật y tế đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang trực tiếp thanh toán theo quy định.

Trách nhiệm của bên B (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Giang)

Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật y tế đảm bảo đúng quy định, kịp thời cho người bệnh và phù hợp cho việc thanh toán của bên A.

Chịu trách nhiệm về con người, máy móc, thiết bị liên quan đến các dịch vụ kỹ thuật y tế cung cấp cho người bệnh.

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện dịch vụ kỹ thuật y tế đã cung cấp cho người bệnh của bên A.

Điều 3. Thanh toán

Từ ngày 02 đến ngày 10 hàng tháng, 2 bên rà soát, đối chiếu theo tháng dịch vụ kỹ thuật y tế đã thực hiện; căn cứ vào biên bản bàn giao hàng tháng, Bên A nhận biên bản nghiệm thu, hóa đơn đã tổng hợp theo quý thanh toán cho bên B toàn bộ số tiền dịch vụ 01 quý/lần trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu theo quý.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 4, Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

- Trong quá trình thực hiện có điểm nào vướng mắc, hai bên cùng bàn bạc để thống nhất giải quyết.

Điều 5. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2022 đến ngày 31/12/2022.

2. Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực không quá 15 ngày, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản, 01 bộ gửi cơ quan BHXH tỉnh./.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
Phạm Anh Văn	**Nguyễn Thị Thanh Hương**

DANH MỤC KỸ THUẬT

(Kèm theo hợp đồng số: 298 /2022/HĐDV ngày 01 tháng 8 năm 2022)

TT	Mã tương đương	Tên theo thông tư 43	Tên danh mục thực hiện theo Thông tư 13/2019/TT-BYT	Tên danh mục thực hiện theo Nghị quyết 40/2019/NQ-HĐND tỉnh Hà Giang	Đơn giá	Chi Chú
1	24.0175.1663	**HIV khẳng định (*)**	HIV khẳng định	HIV khẳng định	175.000	Tính cho 2 lần tiếp theo
2	24.0001.1714	**Vi khuẩn nhuộm soi** *(Xét nghiệm chẩn đoán bệnh phong)*	Vi khuẩn nhuộm soi	Vi khuẩn nhuộm soi	68.000	

[illegible]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ BIÊN, PHIÊN DỊCH

Số: 161 /HĐT/2022

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 19/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng đáp ứng của hai bên,

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, chúng tôi gồm:

1. BÊN A : BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG (Bên thuê)

Địa chỉ : Số nhà 11, Tổ 10, P. Minh Khai, TP Hà Giang , tỉnh Hà Giang.
Điện thoại : 02193.886.411
Tài khoản : 3714.0.1069736.00000
Mở tại : Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang
Mã số thuế : 5100135641
Đại diện : Ông Nguyễn Quốc Dũng Chức vụ: Phó Giám đốc
Thông báo số 26/TB-BV, ngày 12/4/2022 về việc ủy quyền công việc quản lý và điều hành

2. BÊN B : TRUNG TÂM THÔNG TIN, TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ ĐỐI NGOẠI (Bên cho thuê)

Địa chỉ : Phố Hoàng Văn Thụ, P. Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
Điện thoại : 02193.888.787 Fax:02193.887.555
Tài khoản : 3451 0000 300536
Mở tại : Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển tỉnh Hà Giang
Mã số thuế : 5100423368
Đại diện : Bà Vương Thị Hiền Chức vụ: Giám đốc

Sau khi hai bên bàn bạc, thỏa thuận, đã đồng ý ký kết Hợp đồng này với những điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung của Hợp đồng

Bên B. Nhất trí thực hiện biên, phiên dịch cho bên A các tài liệu, các cuộc trao đổi về khám, chữa bệnh cho người nước ngoài (tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh).

- Thời gian thực hiện: Năm 2022.
- Địa điểm: tại tỉnh Hà Giang.
- Phạm vi dịch vụ: Biên, phiên dịch các tài liệu, các cuộc trao đổi về khám, chữa bệnh.

Điều 2. Giá dịch vụ phiên dịch

Căn cứ Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 19/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang, hai bên thống nhất giá dịch vụ như sau:

* Phiên dịch khám chữa bệnh thông thường:

+ Phiên dịch trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6: 250.000đ/giờ.

+ Phiên dịch ngoài giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6: 325.000đ/giờ.

+ Phiên dịch vào các ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật: 350.000đ/giờ.

+ Phiên dịch vào các ngày lễ, Tết: 375.000đ/giờ.

* Phiên dịch chuyên ngành hội đàm, hội nghị, hội đồng hội chẩn bệnh án:

+ Phiên dịch trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6: 500.000đ/giờ.

+ Phiên dịch ngoài giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6: 650.000đ/giờ.

+ Phiên dịch vào các ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật: 700.000đ/giờ.

+ Phiên dịch vào các ngày lễ, Tết: 750.000đ/giờ.

* Biên dịch

+ Biên dịch thông thường tiếng Anh, Trung sang tiếng Việt: 130.000đ/trang.

+ Biên dịch chuyên ngành tiếng Anh, Trung sang tiếng Việt: 150.000đ/trang.

+ Biên dịch thông thường tiếng Việt sang tiếng Anh, Trung: 160.000đ/trang.

+ Biên dịch chuyên ngành tiếng Việt sang tiếng Anh, Trung: 180.000đ/trang.

+ Biên dịch vào ngày nghỉ (Thứ 7, Chủ nhật): Tăng 30% so với mức thu trên.

+ Biên dịch vào ngày lễ, tết (bao gồm tết Âm lịch và tết Dương lịch và các ngày lễ theo quy định của Nhà nước): tăng 50% so với mức thu trên.

+ Hiệu đính bản dịch: tăng 50% so với mức thu trên (Tài liệu hiệu đính lớn hơn 30% thì tính bằng bản dịch mới).

+ Dịch vụ lấy dấu công chứng, chứng thực đối với bản dịch: 30.000/bản.

+ Bản dịch gốc (kèm chữ ký + dấu của Giám đốc Trung tâm) lấy từ bản thứ 2 trở đi: thu 50% so với mức thu trên.

+ Dịch nhanh theo yêu cầu: tăng 30% so với mức thu trên (cụ thể: từ 1-4 trang: trả trong 7 giờ; Từ 5-9 trang trả trong 12 giờ, từ 10-19 trang trả trong 36 giờ, từ 20-29 trang trả trong 48 giờ, từ 30-39 trang trả trong 72 giờ, từ 40-49 trang trả trong 96 giờ, từ 50 trang trở lên thời gian trả theo thỏa thuận giữa 2 bên).

(Giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)

- Trường hợp địa điểm biên, phiên dịch cách thành phố Hà Giang trên 20km sẽ tính công tác phí, do bên A chi trả.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc thanh toán tiền mặt.

- Thời gian thanh toán: Định kỳ thanh toán theo quý.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của A

- Chấm dứt Hợp đồng khi bên B không thực hiện đúng các nội dung do bên A yêu cầu và vi phạm nghiêm trọng các điều khoản ghi trong Hợp đồng (Trong trường hợp này bên A không có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh liên quan mà bên B đã thực hiện và chi trả).

- Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B các tài liệu chuyên ngành để tham khảo, giải nghĩa, giải thích các thuật ngữ chuyên môn hoặc các thông tin liên quan trong phạm vi và khả năng có thể.

- Có kế hoạch, thời gian khám cụ thể và thông báo cho bên B trước 02 ngày; trường hợp đột xuất cần thông báo cho bên B trước 1 giờ.

- Thanh toán đúng và đầy đủ giá trị hợp đồng cho bên B theo điều 3 của Hợp đồng này.

- Mọi vấn đề thay đổi, phát sinh đều phải thông báo trước cho bên B biết trước ít nhất 03 ngày.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên B

- Chấm dứt Hợp đồng khi bên A thực hiện không đúng các nội dung và vi phạm nghiêm trọng các điều khoản ghi trong Hợp đồng (Trong trường hợp này bên A phải thanh toán toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan mà bên B đã thực hiện).

- Yêu cầu bên A thanh toán đúng và đầy đủ giá trị hợp đồng theo thỏa thuận sau khi đã hoàn tất đầy đủ các thủ tục thanh toán theo yêu cầu của bên A.

- Biên, phiên dịch viên phải tham dự đầy đủ, đúng giờ, dịch đúng nội dung và bảo mật thông tin khám, chữa bệnh.

- Cung cấp hóa đơn tài chính, phối hợp cùng bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng và hoàn tất các thủ tục, chứng từ trong thời gian sớm nhất ngay sau khi thực hiện hoàn thành nội dung công việc hoặc hợp đồng hết hiệu lực.

Điều 5. Điều khoản chung

Hai bên cam kết tuân thủ các điều khoản quy định tại hợp đồng, trong trường hợp bên nào thấy cần thiết thay đổi nội dung hợp đồng thì phải thông báo kịp thời

cho bên kia bằng văn bản để hai bên cùng xem xét, giải quyết đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Hợp đồng này sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước. Kết thúc hợp đồng, bên B có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục hóa đơn và các giấy tờ liên quan. Đề nghị bên A thanh quyết toán tiền cho bên B khi nhận đầy đủ các thủ tục hợp lý, hợp pháp, hợp lệ theo quy định nhà nước.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hai bên sẽ thanh lý hợp đồng khi các thủ tục quyết toán đầy đủ theo quy hiện hành của nhà nước.

Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03, bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A PHÓ GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN BÊN B GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Dũng	Vương Thị Hiền